

PHÂN LOẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

TS. Lê Văn Út, Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Email: levanut@tdtu.edu.vn

Bài viết cho Hội thảo khoa học

“Mục tiêu, chiến lược phát triển Học viện An ninh nhân dân đến năm 2030”

ngày 04/11/2021

Tóm tắt

Hiện nay, Việt Nam có 237 đại học, trong đó có 172 đại học công lập và 65 đại học ngoài công lập. Mỗi đại học có chiến lược phát triển và tầm nhìn khác nhau trên cơ sở tuân thủ Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan khác. Việc phân loại đại học là vấn đề cốt yếu giúp các đại học có thể tồn tại và phát triển một cách bền vững. Bài nghiên cứu tập trung phân tích quy định về phân loại đại học ở Việt Nam và các thông lệ về phân loại đại học trên thế giới. Các giải pháp tiếp cận khả thi trong việc phân loại đại học được đề xuất để giúp các đại học có thể tự xác định phân loại đại học phù hợp. Đây là cơ sở quan trọng để mỗi đại học có thể hoạch định chiến lược đầu tư và phát triển trên cơ sở phân loại đã được xác định hoặc đã được định hướng.

1. Giới thiệu

Theo (MOET 2021), Việt Nam có 273 cơ sở giáo dục đại học. Vì thế việc phân tầng đại học là một vấn đề rất quan trọng. Một khi mạng lưới đại học của đất nước được quy hoạch một cách khoa học và chuyên nghiệp thì hệ thống pháp lý và chiến lược đầu tư cho từng tầng, từng loại đại học sẽ được phân định một cách rõ ràng. Đây là cơ sở quyết định cho sự tồn tại và phát triển bền vững của các cơ sở giáo dục đại học.

Trong (Bích Lan 2014), các trường đại học ở Việt Nam chưa có sự phân tầng một cách rõ ràng. Không ít đại học chưa rõ ràng giữa định hướng chuyên sâu về nghiên cứu hay về thực hành nghề nghiệp. Hệ quả là sinh viên tốt nghiệp đôi khi hoặc thiếu kỹ năng nghề nghiệp, hoặc không có chuyên môn sâu. Vì vậy, khi được phân tầng, các trường đại học sẽ định hướng được mục tiêu phát triển dài hạn cho các trường. Nhà nước, đơn vị chủ quản cũng sẽ có cơ sở để tập trung đầu tư cho từng loại trường để có thể có những trường đại học có uy tín cao trên thế giới. Ngoài ra, mục đích của việc phân tầng là tạo nên một bảng phân loại các trường

đại học theo các nhóm dành cho các em học sinh, nhằm giảm các bản khoản của các em khi nộp hồ sơ (Hoàng Việt 2015).

Để cụ thể hóa việc phân tầng cơ sở giáo dục đại học đã được quy định cụ thể tại Điều 9 của Luật Giáo dục đại học 2012 (LGD 2012), năm 2015 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2015/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học (Chính phủ 2015). Trong đó, các cơ sở giáo dục đại học được phân tầng thành 03 tầng gồm định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng và định hướng thực hành. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng nên dùng thuật ngữ phân loại thay vì phân tầng; và phân loại là phân ra các trường đại học thành các loại khác nhau, có thể theo loại hình đào tạo (Xuân Trung 2015). Ý kiến này là hoàn toàn phù hợp và cũng có thể làm giảm tâm lý “phân biệt” giữa các cơ sở giáo dục đại học, bởi suy cho cùng thì mỗi cơ sở giáo dục đại học có thể có sứ mạng khác nhau. Do đó, trong suốt bài viết này, thuật ngữ phân loại (thay vì phân tầng) sẽ được dùng xuyên suốt. Và đồng thời, khái niệm cơ sở giáo dục đại học được hiểu là các đại học và các trường đại học trong cả bài viết.

Tính đến thời điểm này, việc phân loại đại học theo (Chính phủ 2015) vẫn còn những ý kiến trái chiều. Trong (Tấn Tài 2017), đã có ý kiến đề nghị là phải nói rõ, đơn vị hay tổ chức nào chịu trách nhiệm ban hành các tiêu chí và kết quả phân tầng đại học. Vì nếu không làm rõ ngay từ đầu thì sẽ gây khó khăn để triển khai thực hiện, dễ phát sinh cơ chế xin cho. Do đó, phân loại cơ sở giáo dục đại học là một vấn đề mới và phức tạp đối với Việt Nam; cần được tiếp tục nghiên cứu dựa trên quan điểm, cách tiếp cận hệ thống hiện đại, có tính đến các bài học, kinh nghiệm khu vực và quốc tế (Hồng Hạnh 2018). Nếu việc phân loại các cơ sở giáo dục đại học không được thực hiện một cách khoa học thì chẳng những chiến lược đầu tư cho các cơ sở giáo dục đại học bị ảnh hưởng mà chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học sẽ bị ảnh hưởng ngay lập tức (Geschwind và Brostrom 2021, Hu 2015, Wu 2021).

Bài viết tập trung tổng lược phương pháp phân loại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam và ở một số nước có nền giáo dục tiên tiến. Từ đó, đề xuất giải pháp cho việc phân loại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam trên cơ sở phù hợp với thực tế của đất nước và các thông lệ quốc tế.

2. Phương pháp

Dùng các phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh và các suy luận khoa học trong nghiên cứu. Dữ liệu được sử dụng gồm các quy định hiện hành về phân

loại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, các phương pháp phân loại đại học ở một số nước có nền giáo dục tiên tiến.

3. Phân loại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam

3.1. Về 3 loại cơ sở giáo dục đại học

Theo (Chính phủ 2015), có 3 loại cơ sở giáo dục đại học cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng và cơ sở giáo dục đại học định hướng thực hành.

Những tiêu chí chính của cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu gồm:

- Có hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học; phát triển các công nghệ nguồn; cung cấp nguồn nhân lực có năng lực giảng dạy và nghiên cứu cơ bản; có năng lực chủ trì nghiên cứu giải quyết các nhiệm vụ, đề tài khoa học cấp quốc gia và quốc tế;
- Quy mô, ngành nghề và các trình độ đào tạo:
 - Đào tạo cả 3 trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, trong đó quy mô đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ chiếm trên 30% tổng quy mô đào tạo của các ngành, chuyên ngành theo định hướng nghiên cứu,
 - Có ít nhất 3 chuyên ngành đào tạo từ đại học đến tiến sĩ thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học cơ bản ứng dụng ở 3 nhóm ngành khác nhau;
- Cơ cấu hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ:
 - Có đơn vị nghiên cứu phù hợp với ngành đào tạo như: viện nghiên cứu, cơ sở nghiên cứu khoa học cơ bản, cơ sở nghiên cứu khoa học ứng dụng, trung tâm phát triển công nghệ nguồn,
 - Tỷ lệ chi cho hoạt động khoa học công nghệ chiếm ít nhất 20% tổng chi cho các hoạt động hằng năm của cơ sở giáo dục đại học,

- o Giảng viên cơ hữu phải dành ít nhất 50% tổng thời gian làm việc định mức cho hoạt động nghiên cứu khoa học,
- o Có ít nhất 80% giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu tham gia nghiên cứu khoa học có bài báo, công trình công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước hằng năm,
- o Tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ không thấp hơn 30% tổng số giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học; đối với các ngành, chuyên ngành đào tạo theo định hướng nghiên cứu, tỷ lệ này không thấp hơn 50%,
- o Mỗi chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ phải có ít nhất 1 giáo sư hoặc 3 phó Giáo sư là giảng viên cơ hữu,
- o Tỷ lệ sinh viên/giảng viên của các chương trình định hướng nghiên cứu không quá 15.

Những tiêu chí chính của cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng gồm:

- Đào tạo đội ngũ nhân lực chủ yếu theo hướng ứng dụng; nghiên cứu khoa học và công nghệ tập trung vào việc phát triển các kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người; có năng lực chủ trì nghiên cứu, giải quyết những nhiệm vụ, đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia và tham gia nghiên cứu, giải quyết những nhiệm vụ, đề tài khoa học và công nghệ khu vực và quốc tế,
- Quy mô, ngành nghề và các trình độ đào tạo:
 - o Quy mô đào tạo của các chương trình đào tạo định hướng ứng dụng trình độ đại học, thạc sĩ chiếm ít tỷ lệ lớn nhất trong tổng quy mô đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học,
 - o Ngành nghề đào tạo đa dạng, linh hoạt theo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế,
 - o Đào tạo chủ yếu trình độ đại học và trình độ thạc sĩ ứng dụng; một số ít chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ nghiên cứu và trình độ tiến sĩ.

- Cơ cấu hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ:
 - Có hệ thống phòng thí nghiệm nghiên cứu phát triển, cơ sở sản xuất thử nghiệm, trung tâm ươm tạo công nghệ,
 - Tỷ lệ chi cho hoạt động khoa học công nghệ chiếm ít nhất 20% tổng chi cho các hoạt động hằng năm của cơ sở giáo dục đại học,
 - Hằng năm tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ có kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học công nghệ chuyên ngành trong và ngoài nước hoặc chuyển giao công nghệ, ứng dụng vào thực tế trên tổng số giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học không thấp hơn 70%,
 - Tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ không thấp hơn 15% tổng số giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học,
 - Tỷ lệ bình quân sinh viên/giảng viên trong toàn cơ sở giáo dục đại học không quá 25.

Những tiêu chí chính của cơ sở giáo dục đại học định hướng thực hành gồm:

- Là cơ sở giáo dục đại học chú trọng đào tạo, phát triển năng lực thực hành của người học, gắn kết đào tạo với thực tế sản xuất; nghiên cứu khoa học và công nghệ tập trung theo hướng triển khai các kết quả nghiên cứu ứng dụng đã đạt được vào thực tiễn cuộc sống; cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức thực tiễn và năng lực thực hành phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động đa dạng của các địa phương và các vùng, các tổ chức kinh tế,
- Quy mô, ngành nghề và các trình độ đào tạo:
 - Quy mô đào tạo các chương trình đào tạo định hướng thực hành chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng quy mô đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học,

- o Ngành nghề đa dạng, tập trung vào các lĩnh vực mà địa phương có nhu cầu; chương trình đào tạo được thiết kế liên thông với chương trình giáo dục nghề nghiệp,
- o Đào tạo trình độ đại học là chủ yếu;
- Cơ cấu hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ:
 - o Tỷ lệ chi cho hoạt động khoa học công nghệ, sản xuất thử nghiệm, phát triển sản phẩm mới không thấp hơn 10% tổng chi cho các hoạt động của cơ sở giáo dục đại học,
 - o Hằng năm có ít nhất 30% giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học tham gia các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và thực tế sản xuất hoặc thực hiện các nhiệm vụ, đề tài khoa học công nghệ, có công trình được công bố;
 - o Có ít nhất 10% khối lượng của các chương trình đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học do các chuyên gia, doanh nhân, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, nhà quản lý có kinh nghiệm từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ở trong nước và nước ngoài tham gia giảng dạy, báo cáo chuyên đề.

4. Phân loại đại học ở một số nước

4.1. Ở Phần Lan

Theo (Finland 2012), các cơ sở giáo dục đại học của Phần Lan được phân thành 02 loại là đại học và đại học khoa học ứng dụng.

- Đại học khoa học ứng dụng: Là các đại học chủ yếu là đa ngành và là các cơ sở giáo dục đại học thuộc các địa phương, gắn liền với thị trường lao động và sự phát triển của địa phương. Các đại học này cung cấp nguồn nhân lực được đào tạo gắn liền với các hoạt động nghề nghiệp. Ngoài ra, các đại học khoa học ứng dụng thực hiện các nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu phát triển, nghiên cứu sáng tạo và sáng chế phục vụ cho đào tạo, thực tiễn cuộc sống và phát triển địa phương, và đồng thời hình thành hạ tầng công nghệ cho địa phương.

- Đại học có nhiệm vụ cơ bản là nghiên cứu khoa học và thực hiện đào tạo từ bậc đại học, cao học và tiến sĩ. Đại học thúc đẩy sự phát triển của xã hội, khơi dậy sự ảnh hưởng xã hội của các kết quả nghiên cứu và các hoạt động sáng chế.

4.2. Ở Hà Lan

Tương tự như Phần Lan, Hà Lan cũng có 02 loại đại học gồm đại học khoa học ứng dụng và đại học nghiên cứu (Inholland (2020) và bảng dưới đây mô tả chi tiết sự khác biệt giữa hai loại hình đại học này.

Đại học khoa học ứng dụng	Đại học nghiên cứu
Định hướng nghề nghiệp	Thiên về lý thuyết và khoa học
Trang bị những kỹ năng và kiến thức có thể áp dụng ngay vào thực tiễn công việc	Trang bị kỹ năng phân tích và tư duy phản biện để thực hiện các nghiên cứu trong chuyên ngành.
Dành nhiều thời gian hơn cho thực hành/hướng dẫn trực tiếp và học thông qua làm dự án	Ít thời gian hơn cho thực hành/hướng dẫn trực tiếp và nhiều thời gian hơn cho việc nghiên cứu tài liệu độc lập
Cần 4 năm để hoàn thành và trong đó có phần thực tập nghề nghiệp	Cần 3 năm để hoàn thành, thông thường thì không bao gồm phần thực hành nghề nghiệp
Chuẩn bị cho công việc gắn với nghề nghiệp cụ thể	Chuẩn bị cho việc thực hiện các nghiên cứu học thuật hoặc cho công việc gắn với nghề nghiệp cụ thể

4.3. Ở Đức

Đức có 4 loại đại học gồm đại học, đại học khoa học ứng dụng, trường về nghệ thuật và âm nhạc và đại học giáo dục kết hợp (DAAD). Tuy nhiên, có thể nói Đức có 2 loại đại học chính là đại học và đại học khoa học ứng dụng.

- Đại học khoa học ứng dụng của Đức thiên về định hướng thực hành và kinh doanh. Các đại học này gắn liền với các công ty trong khu vực và trên thế giới.
- Đại học của Đức thiên về giảng dạy lý thuyết và định hướng nghiên cứu, đào tạo đến bậc tiến sĩ. Và điểm rất đáng lưu ý là các đại học của Đức có thể thực hiện các dịch vụ đào tạo của các loại đại học khác.

5. Đề xuất cách tiếp cận phân loại đại học trong bối cảnh Việt Nam

Theo quy định hiện hành của Việt Nam, Việt Nam định hướng phân các cơ sở giáo dục đại học thành 3 loại gồm cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng và cơ sở giáo dục đại học định hướng thực hành. Sở dĩ, phải có cụm từ “cơ sở giáo dục” trước “đại học” là vì Luật giáo dục đại học của Việt Nam phân biệt rất rõ đại học và trường đại học. Trong khi đó, các nước có nền giáo dục tiên tiến thì đơn giản dùng một từ để chỉ các cơ sở giáo dục đại học là “university”.

Căn cứ vào Nghị định về phân loại đại học của Chính phủ, một đại học gần như không thể là một cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu ngay từ khi mới thành lập hoặc trong giai đoạn đầu của sự phát triển dù cho cơ sở giáo dục đại học này có định hướng nghiên cứu. Ngoài ra, hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam chưa thật sự đã ở đẳng cấp cao như Phần Lan, Hà Lan hay Đức nên việc cụ thể hóa các tiêu chí phục vụ cho việc phân loại cũng là phù hợp. Trong khi đó, tiêu chí phân loại đại học ở các nước tiên tiến thì chủ yếu tập trung vào mục tiêu và từ đó đề ra những định hướng/ganh giới rất linh hoạt để các đại học có thể xây dựng chiến lược phát triển một cách phù hợp với loại hình mà họ đã chọn.

Từ những thông tin và phân tích trên, những đề nghị dưới đây có thể nên được xem xét trong việc phân loại và xác định chiến lược cho hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam:

- ❖ Nhất quán thuật ngữ tiếng Việt và tiếng Anh trong tên gọi của các cơ sở giáo dục đại học. Cụ thể, nên gọi chung là “đại học” trong tiếng Việt và tương ứng là “university” trong tiếng Anh.
- ❖ Không nên dùng khái niệm phân loại đại học theo tỷ lệ % vì có thể tạo nên sự phân biệt “chiếu dưới, chiếu trên” giữa các đại học.
- ❖ Phân các đại học thành 2 loại là đại học và đại học khoa học ứng dụng và có thể tham khảo các tiêu chí tổng quan như ở Phần Lan, Đức, Hà Lan; từ đó, có thể cụ thể hóa chi tiết hơn các tiêu chí cho phù hợp với bối cảnh của đất nước.
- ❖ Giải pháp quá trình:
 - o Bước 1: Xác định định hướng gắn với một tầm nhìn dài hạn.

- o Bước 2: Tích hợp cả hai một hình đại học và đại học khoa học ứng dụng vào trong chiến lược phát triển một đại học đã được định hướng ở Bước 1. Nếu đã chọn xây dựng đại học nghiên cứu thì có thể xem xét mục tiêu đại học khoa học ứng dụng trong giai đoạn đầu, và chuyển dần thành đại học/đại học nghiên cứu trong những giai đoạn tiếp theo.
- o Bước 3: Xây dựng chiến lược phát triển theo từng giai đoạn tương ứng với một loại hình và đồng thời hướng tới định hướng đã xác định, đặc biệt là phải phù hợp với nguồn lực có thể có.
- o Bước 4: Hoàn tất kế hoạch về đích trên cơ sở quốc tế hóa tiêu chí thông qua việc tham gia “sân chơi” chung với các đại học trên toàn thế giới thông qua việc được xếp vào các bảng xếp hạng đại học uy tín của thế giới như ARWU, THE hay QS. Và mục tiêu gần là nên hướng đến các bảng xếp hạng khu vực như THE Châu Á hay QS Châu Á.

6. Bàn luận

Đối với *Giải pháp quá trình* được đề cập ở trên, việc áp dụng có thể linh hoạt cho từng dự án đại học. Thực tế, có những đại học được xác định loại và có đầu tư phù hợp ngay từ đầu và không cần đến giải pháp này; ví dụ, Đại học Khoa học và Kỹ thuật Hồng Kông được xác định là đại học nghiên cứu ngay từ đầu và đã được cung cấp những khoản đầu tư rất lớn.

Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển, các đại học có thể tham khảo tiêu chí của các bảng xếp hạng đại học thế giới uy tín như ARWU, THE hay QS để có thể đạt được mục tiêu kép, vừa phát triển đúng chiến lược và vừa có thể sớm được xếp hạng bởi các bảng xếp hạng đại học uy tín này.

Tài liệu tham khảo

Bích Lan (2014); Phân tầng, xếp hạng để đánh giá, đổi mới giáo dục đại học; *Báo điện tử Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV)*.

Bộ giáo dục và đào tạo (MOET) (2021): Số liệu thống kê giáo dục đại học năm học 2019 – 2020.

Chính phủ (2015); Nghị định số 73/2015/NĐ-CP ngày 08 tháng 09 năm 2015 quy định tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học.

German Academic Exchange Service (DAAD); The right university.

Geschwind, L. and Brostrom, A. (2021); To be or not to be a technical university: organisational categories as reference points in higher education; *Higher Education* (Early Access).

Hoàng Việt (2015); Phân tầng, xếp hạng đại học Việt Nam: Quá nhiều bất cập?; Báo điện tử Công Luận.

Hồng Hạnh (2018); Phân tầng, xếp hạng đại học: Cần tính đến bài học kinh nghiệm của nước ngoài; *Báo điện tử Dân trí*.

Hu, YJ *et. al.* (2015); The role of research in teaching: a comparison of teachers from research universities and those from universities of applied sciences; *Higher Education Policy* 28 (4), pp. 535–554.

Inholland (2020); Types of universities in the Netherlands; *Inholland University of Applied Sciences*.

Luật Giáo dục đại học 2012 (LGD 2012).

Tấn Tài (2017); "Doanh nghiệp gần như không có trách nhiệm trong việc đào tạo nguồn nhân lực"; *Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam*.

Ministry of Education and Culture (Finland 2021); Higher education institutions, science agencies, research institutes and other public research organisations.

Xuân Trung (2015); Phân tầng, xếp hạng đại học cần phải rõ tiêu chí cụ thể; *Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam*.

Wu, MC *et. al.* (2021); Challenges of collective inertia and scarcity to technological and vocational education universities; *Journal of Technical Education and Training* 13 (2), pp. 95-107.

